

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 4 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tăng Giàu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Hoàng.

2. Ông Nguyễn Văn Tịnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Kha - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 684/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Châu Văn C, sinh năm 1972; cư trú tại ấp K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; cư trú tại ấp K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông C và bà H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình tố tụng ông Châu Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Ông Châu Văn C và bà Nguyễn Thị H sống chung vào khoảng năm 1992, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Lý do xin ly hôn: Thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau này hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc, hiện tại ông bà không

còn sống chung khoảng hơn 01 năm. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được ông cũng không còn tình cảm gì với bà H nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

Về con chung: Ông Châu Văn C và bà Nguyễn Thị H có 01 người con chung tên Châu Thị T, sinh năm 2001, hiện tại đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Ông C và bà H đang sử dụng phần đất khoảng 03 công toạ lạc tại ấp K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu do cha mẹ ruột ông C để lại, nay ông C và bà H tự thỏa thuận để lại cho người con Châu Thị T, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Ông C và bà H có nợ ông Nguyễn Văn N (anh ruột chị H) 03 chỉ vàng 24K, nay ông C và bà H tự thỏa thuận để trả nợ cho ông N, không yêu cầu giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 12/11/2023: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông Châu Văn C về hôn nhân bà Nguyễn Thị H và ông Châu Văn C sống chung vào khoảng năm 1992, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn, thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau này hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc, hiện tại ông bà không còn sống chung khoảng hơn 01 năm, nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được bà cũng không còn tình cảm gì với ông C. Nay ông C yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà H và ông C có 01 người con chung tên Châu Thị T, sinh năm 2001, hiện tại đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Bà H và ông C đang sử dụng phần đất khoảng 03 công toạ lạc tại ấp K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu do cha mẹ ruột ông C để lại, nay ông C và bà H tự thỏa thuận để lại cho con tên Châu Thị T, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Ông C và bà H có nợ ông Nguyễn Văn N (anh ruột chị H) 03 chỉ vàng 24K, nay ông C và bà H tự thỏa thuận để trả nợ cho ông N, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Năm 1992, ông Châu Văn C và bà Nguyễn Thị H chung sống trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa ông C và bà H là không hợp pháp. Nay ông C yêu cầu ly hôn với bà H, căn cứ vào các Điều 9, 14, 15 và 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận ông C và bà H là vợ chồng.

Về con chung: Người con chung tên Châu Thị T, sinh năm 2001, hiện tại đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống cho bản thân nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ: Ông Châu Văn C và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình ông Châu Văn C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Châu Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị H có địa chỉ cư trú tại ấp K, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Châu Văn C và bà Nguyễn Thị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông Châu Văn C và bà Nguyễn Thị H.

[3] Về nội dung vụ án: Năm 1992 ông Châu Văn C và bà Nguyễn Thị H tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân của ông Châu Văn C và bà Nguyễn Thị H là không hợp pháp. Nay ông C yêu cầu ly hôn với bà H, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận ông Châu Văn C và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

[4] *Về con chung:* Người con chung tên Châu Thị T, sinh năm 2001, hiện tại đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống cho bản thân nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ:* Ông Châu Văn C và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ:* Ông Châu Văn C và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Châu Văn C phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 15 và 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Châu Văn C và bà Nguyễn Thị H là vợ chồng.

2. Về con chung: Người con chung tên Châu Thị T, sinh năm 2001, hiện tại đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ: Ông Châu Văn C và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Châu Văn C phải chịu số tiền 300.000 đồng, ông C đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009752 ngày 24/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ số tiền nêu trên.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự ông Châu Văn C và bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Tăng Giàu